TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 9 năm 2019
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **Đoàn Văn H** - sinh năm 1987. Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn KB, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Chị **Bùi Thị C** - sinh năm 1990. Nguyên quán: xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh H. Nơi ĐKHKTT: thôn KB, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Anh H có đơn xin vắng mặt; chị C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án,anh Đoàn Văn H là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Bùi Thị C có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã KĐ năm 2012. Vợ chồng chung sống với nhau ngay từ những ngày đầu tiên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do trước khi đi đến kết hôn anh chị không có nhiều thời gian tìm hiểu nhau, hai anh chị lại sống ở hai vùng miền quê khác nhau, do đó khi về chung sống với nhau mới nhận thấy tính tình quá khác nhau, phong tục, tập quán, lối sống của hai gia đình cũng quá khác nhau nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể ngồi nói chuyện chung được với nhau. Hơn nữa vợ chồng anh sống với nhau đã lâu mà vẫn chưa có con chung nên mâu thuẫn vợ chồng rất khó

hàn gắn lại. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng anh sống ly thân khoảng gần 2 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh và chị C không còn tình cảm gì với nhau, không nên tiếp tục kéo dài cuộc sống như này nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị C để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có gì, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Anh có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng anh, vì anh cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị C, anh không bao giờ thay đổi nguyện vọng trên.

Bị đơn chị Bùi Thị C: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2019, chính quyền địa phương xã KĐ cung cấp: chị Bùi Thị C là người quê ở xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh H kết hôn với anh Đoàn Văn H và có đăng ký tại UBND xã KĐ ngày 06/8/2012. Sau khi kết hôn chị C chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống với anh H tại nhà anh H ở thôn KB, xã KĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội; anh H và chị C sống tại quê nhà, làm ruộng và nghề phụ. Về mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng anh H chị C như thế nào chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị C một phần là do hai vợ chồng sống với nhau đã lâu mà vẫn chưa có con chung, hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Hiện nay, chị C không còn sinh sống ở nhà anh H, anh H cũng không biết chị C đi đâu, thỉnh thoảng thấy chị C xuất hiện chốc lát rồi lại đi. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị C, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật bảo đảm quyền lợi cho các công dân.

Tại phiên tòa, anh H và chị C đều vắng mặt, anh H có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho đương sự trình bày, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho anh H được ly hôn chị C; anh H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn H làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã

triệu tập chị C đến Tòa để hòa giải, tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng chị C không chấp hành, anh H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn H và chị Bùi Thị C có đăng ký kết hôn kết hôn tự nguyện tại UBND xã KĐ ngày 06/8/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai vợ chồng khác nhau, thường xuyên cảy ra bất đồng quan điểm trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, trước khi kết hôn hai anh chị chưa có thời gian dài tìm hiểu kỹ về nhau để hiểu nhau hơn, mặt khác anh H và chị C chung sống với nhau đã lâu mà vẫn chưa có con chung. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân khoảng 02 năm nay, anh H cương quyết xin được ly hôn với chị C. Đối với chị C trong suốt quá trình hòa giải, làm việc và phiên tòa chị C đều không đến Tòa, vắng mặt không có lý do chính đáng, thể hiện chống đối.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H với chị C đã căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị C là phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H và chị C chưa có con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: anh H không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: anh H phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đoàn Văn H được ly hôn chị Bùi Thị C.

2. Về con chung: anh Đoàn Văn H và chị Bùi Thị C chưa có con chung.

3. Về tài sản chung: anh Đoàn Văn H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Văn H phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009206 ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại C cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- C cục THADS UH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà